TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 79/2021/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24/3/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: khu A, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1969.

2/ Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: khu A, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh T2: Ông Trần Công T3, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu A, thị trấn T4, huyện T4, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Thanh T số tiền còn nợ 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 chưa trả xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Thanh T có nghĩa vụ nộp 4.375.000đ *(Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* nhưng ông T có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ.

Bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ nộp 4.375.000đ *(Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga